



ORIGINAL COPY

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2023**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp 3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 2 tháng 10 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy
Ông Lý Văn Xuân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam
Ông Nguyễn Tấn Hòa

Ông Nguyễn Minh Phúc

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Quyền Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 7 năm 2023)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất
Khu Công nghiệp Sóng Thần II
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 12 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00382-23-2



Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		11.274.839.904.924	9.834.993.231.398
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	596.862.912.861	330.134.957.719
Tiền	111		576.792.912.861	312.367.302.226
Các khoản tương đương tiền	112		20.070.000.000	17.767.655.493
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.175.510.851	8.698.661.821
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	26.175.510.851	8.698.661.821
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.322.150.338.611	1.452.105.119.089
Phải thu của khách hàng	131	7(a)	1.852.766.528.136	1.185.661.917.716
Trả trước cho người bán	132	8	97.524.228.315	117.395.280.068
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	383.617.751.361	162.755.089.894
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7(c)	(11.758.169.201)	(13.707.168.589)
Hàng tồn kho	140	10	7.628.606.120.691	7.395.309.339.966
Hàng tồn kho	141		7.746.044.623.773	8.110.988.499.714
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(117.438.503.082)	(715.679.159.748)
Tài sản ngắn hạn khác	150		701.045.021.910	648.745.152.803
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	135.385.630.493	139.831.025.949
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		437.009.675.890	372.839.784.442
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(a)	128.649.715.527	136.074.342.412

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.090.465.740.720	7.190.417.956.533
Các khoản phải thu dài hạn	210		143.083.524.246	171.495.291.600
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	143.083.524.246	171.495.291.600
Tài sản cố định	220		5.019.581.505.116	5.958.828.374.791
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.832.642.501.649	5.754.616.934.906
Nguyên giá	222		14.227.893.527.743	14.086.733.048.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.395.251.026.094)	(8.332.116.113.810)
Tài sản cố định vô hình	227	12	186.939.003.467	204.211.439.885
Nguyên giá	228		289.088.144.510	293.960.791.261
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.149.141.043)	(89.749.351.376)
Tài sản dở dang dài hạn	240		530.451.510.027	603.535.433.172
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	530.451.510.027	603.535.433.172
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	1.000.000.000	17.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		396.349.201.331	439.558.856.970
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	303.516.349.039	295.431.936.752
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	92.832.852.292	144.126.920.218
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.365.305.645.644	17.025.411.187.931

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.585.139.273.223	6.141.841.220.117
Nợ ngắn hạn	310		6.568.894.350.227	6.009.187.395.647
Phải trả người bán	311	16	2.885.172.192.715	1.039.714.645.178
Người mua trả tiền trước	312		142.527.410.662	192.124.686.232
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(b)	171.848.422.096	81.565.802.418
Phải trả người lao động	314		70.913.549.105	86.424.884.228
Chi phí phải trả	315	18	162.529.104.397	297.172.261.839
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	51.089.573.633	34.991.769.952
Vay ngắn hạn	320	20(a)	2.936.344.523.958	4.070.493.519.978
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	148.469.573.661	206.699.825.822
Nợ dài hạn	330		16.244.922.996	132.653.824.470
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay dài hạn	338	20(b)	-	116.525.575.061
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	15.535.422.996	15.418.749.409
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.780.166.372.421	10.883.569.967.814
Vốn chủ sở hữu	410	23	10.780.166.372.421	10.883.569.967.814
Vốn cổ phần	411	24	6.159.823.090.000	5.980.549.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.159.823.090.000	5.980.549.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		77.910.496.944	187.499.009.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.369.041.219.887	4.542.183.640.565
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.339.032.984.202	4.290.842.310.436
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.008.235.685	251.341.330.129
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.099.026.522	16.044.918.305
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.365.305.645.644	17.025.411.187.931

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	32.084.297.693.056	50.090.135.318.501
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	433.636.736.406	379.499.367.034
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	31.650.660.956.650	49.710.635.951.467
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	28.590.018.867.006	44.771.944.789.711
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.060.642.089.644	4.938.691.161.756
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	233.474.915.968	266.806.826.568
Chi phí tài chính	22	29	314.154.742.246	520.873.319.472
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>195.489.503.107</i>	<i>260.241.924.339</i>
Chi phí bán hàng	25	30	2.476.864.155.543	3.832.642.500.065
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	406.967.911.274	522.227.362.422
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		96.130.196.549	329.754.806.365
Thu nhập khác	31	32	51.053.143.467	58.502.790.706
Chi phí khác	32		1.160.780.453	7.128.135.611
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		49.892.363.014	51.374.655.095
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		146.022.559.563	381.129.461.460
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	64.666.147.735	94.121.510.013
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	51.294.067.926	35.687.644.963
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		30.062.343.902	251.320.306.484

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		146.022.559.563	381.129.461.460
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.130.700.951.016	1.159.936.099.089
Các khoản dự phòng	03		(586.365.813.878)	507.142.813.860
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.827.471.514)	(4.628.540.304)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.332.343.999)	(26.083.512.624)
Chi phí lãi vay	06		195.489.503.107	260.241.924.339
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		873.687.384.295	2.277.738.245.820
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(786.168.440.314)	3.842.273.521.768
Biến động hàng tồn kho	10		354.598.706.273	4.445.002.462.715
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.843.192.008.584	(6.956.019.847.718)
Biến động chi phí trả trước	12		23.499.333.445	4.410.046.030
			2.308.808.992.283	3.613.404.428.615
Tiền lãi vay đã trả	14		(197.384.202.217)	(267.259.703.670)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(54.101.428.379)	(384.553.756.705)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(191.696.191.456)	(117.030.852.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.865.627.170.231	2.844.560.115.909

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(373.766.505.881)	(463.432.669.800)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	22.445.756.850	27.693.105.782
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(20.608.888.192)	"
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24	19.132.039.162	19.305.130.338
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	27	3.037.092.911	8.080.954.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(349.760.505.150)	(408.353.479.667)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	49.008.000.000
Tiền thu từ nhận góp vốn vào công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32	-	150.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	21.880.369.799.625	32.656.059.182.202
Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.131.044.370.706)	(35.355.532.973.645)
Tiền trả cổ tức	36	(5.531.000)	(393.643.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.250.680.102.081)	(2.650.709.434.943)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	265.186.563.000	(214.502.798.701)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	330.134.957.719	492.796.782.190
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.541.392.142	51.840.974.230
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	596.862.912.861	330.134.957.719

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Tập đoàn có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2022: 9 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/9/2023	1/10/2022
Các công ty con			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa	99,95%	99,95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95,962%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Tập đoàn có 7.402 nhân viên (1/10/2022: 7.994 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng bao gồm các khoản thanh toán cho việc san lấp mặt bằng trước giai đoạn xây dựng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 đến 50 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 và ngày 1 tháng 10 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 và năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày			
30 tháng 9 năm 2023			
Doanh thu thuần	18.623.830.014.222	13.026.830.942.428	31.650.660.956.650
Giá vốn	(16.617.116.086.809)	(11.972.902.780.197)	(28.590.018.867.006)
	2.006.713.927.413	1.053.928.162.231	3.060.642.089.644
Năm kết thúc ngày			
30 tháng 9 năm 2022			
Doanh thu thuần	24.718.845.662.520	24.991.790.288.947	49.710.635.951.467
Giá vốn	(22.730.547.636.903)	(22.041.397.152.808)	(44.771.944.789.711)
	1.988.298.025.617	2.950.393.136.139	4.938.691.161.756

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Tiền mặt	20.182.995.403	16.020.557.918
Tiền gửi ngân hàng	556.584.565.896	296.346.744.308
Tiền đang chuyển	25.351.562	-
Các khoản tương đương tiền (*)	20.070.000.000	17.767.655.493
	596.862.912.861	330.134.957.719

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 2,7% đến 3,4% (1/10/2022: từ 3,3% đến 4,6%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số dư là 20.070 triệu VND (1/10/2022: 17.768 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,2% đến 7,5% (1/10/2022: từ 4% đến 4,9%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số dư là 3.000 triệu VND, 595 triệu VND và 2.020 triệu VND lần lượt được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (1/10/2022: tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 3.132 triệu VND và 566 triệu VND lần lượt được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	-	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	17.000.000.000

(*) Trái phiếu này có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất được tính theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam cho kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%. Trái phiếu này đã được tất toán trước hạn trong năm.

(**) Trái phiếu này có kỳ hạn gốc là 7 năm kể từ ngày phát hành là ngày 12 tháng 12 năm 2017, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất được tính theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam cho kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2023		1/10/2022		
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)	49%	-	-	49%	-

(*) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Tập đoàn chưa thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Duferco Sa	353.564.251.820	244.637.500.168
Các khách hàng khác	1.499.202.276.316	941.024.417.548
	<hr/>	<hr/>
	1.852.766.528.136	1.185.661.917.716
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	66.017.700	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/9/2023			1/10/2022				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây Dựng Mê Kông	-	-	-	-	Trên 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	-	-	-	-	Trên 6 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thếch Xây Dựng Hiệp Loan	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	-	-	-	-	Trên 6 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm	13.351.403.607	(11.758.169.201)	1.593.234.406	Từ 2 đến trên 5 năm	8.246.557.128	(8.246.557.128)	-
Các khách hàng khác								
		13.351.403.607	(11.758.169.201)	1.593.234.406		13.707.168.589	(13.707.168.589)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	13.707.168.589	16.849.295.152
Dự phòng trích lập trong năm	11.758.169.201	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(13.707.168.589)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(3.142.126.563)
Số dư cuối năm	11.758.169.201	13.707.168.589

8. Trả trước cho người bán

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	14.984.539.870	2.629.511.475
Công ty Cổ phần Kết Cấu Thép QH Plus	18.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	-	15.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vicenza	-	14.763.244.800
Các nhà cung cấp khác	64.389.688.445	84.402.523.793
	97.524.228.315	117.395.280.068

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Khoản ký quỹ chờ thanh toán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	144.324.780.746	-
Tạm ứng để mua đất	58.438.165.400	53.832.470.000
Tạm ứng cho người lao động	25.566.944.730	32.492.267.608
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Tạm ứng bồi thường và giải phóng mặt bằng	95.738.070.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	34.553.500.430	35.975.205.196
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.345.169.668	1.631.088.893
Phải thu khác	1.832.345.387	6.005.283.197
	383.617.751.361	162.755.089.894

(i) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.010.000.000	1.448.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu khác từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	127.931.524.246	161.495.291.600
Phải thu khác	15.152.000.000	10.000.000.000
	143.083.524.246	171.495.291.600

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/9/2023		1/10/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.190.017.296.617	(1.916.485.707)	121.427.071.099	-
Nguyên vật liệu	2.593.687.433.417	(34.594.377.867)	3.048.486.580.997	(417.399.664.065)
Công cụ và dụng cụ	535.963.387.028	-	603.798.226.059	-
Sản phẩm dở dang	-	-	4.834.046	-
Thành phẩm	2.226.103.634.178	(46.391.373.811)	2.788.849.194.981	(224.568.764.408)
Hàng hóa	1.200.272.872.533	(34.536.265.697)	1.548.422.592.532	(73.710.731.275)
	7.746.044.623.773	(117.438.503.082)	8.110.988.499.714	(715.679.159.748)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.729.368 triệu VND (1/10/2022: 4.603.003 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	715.679.159.748 (598.240.656.666)	206.895.014.407 508.784.145.341
Số dư cuối năm	117.438.503.082	715.679.159.748

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.843.121.743.939	10.619.315.671.481	508.175.262.734	87.597.045.920	28.523.324.642	14.086.733.048.716
Tăng trong năm	659.272.079	17.138.814.989	8.477.085.926	-	100.147.000	26.375.319.994
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	88.468.369.521	67.311.694.509	3.847.900.311	8.373.081.818	9.540.915.756	177.541.961.915
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	4.986.512.351	-	4.986.512.351
Thanh lý	(137.900.000)	(62.046.566.940)	(2.891.016.355)	-	-	(65.075.483.295)
Xóa sổ	(1.246.719.022)	(1.421.112.916)	-	-	-	(2.667.831.938)
Số dư cuối năm	2.930.864.766.517	10.640.298.501.123	517.609.232.616	100.956.640.089	38.164.387.398	14.227.893.527.743
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	942.983.810.820	6.926.009.712.069	370.275.810.842	67.717.454.776	25.129.325.303	8.332.116.113.810
Khấu hao trong năm	176.650.018.519	875.223.609.032	51.455.283.312	10.991.312.985	1.914.078.717	1.116.234.302.565
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	2.066.858.784	-	2.066.858.784
Thanh lý	(16.205.477)	(50.022.915.470)	(2.885.733.225)	-	-	(52.924.854.172)
Xóa sổ	(1.052.818.994)	(1.188.575.899)	-	-	-	(2.241.394.893)
Số dư cuối năm	1.118.564.804.868	7.750.021.829.732	418.845.360.929	80.775.626.545	27.043.404.020	9.395.251.026.094
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.900.137.933.119	3.693.305.959.412	137.899.451.892	19.879.591.144	3.393.999.339	5.754.616.934.906
Số dư cuối năm	1.812.299.961.649	2.890.276.671.391	98.763.871.687	20.181.013.544	11.120.983.378	4.832.642.501.649

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 2.800.398 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (1/10/2022: 1.974.982 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.151.653 triệu VND (1/10/2022: 4.165.082 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	234.468.842.108	59.491.949.153	293.960.791.261
Tăng trong năm	113.865.600	-	113.865.600
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(4.986.512.351)	(4.986.512.351)
Số dư cuối năm	234.582.707.708	54.505.436.802	289.088.144.510
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	47.941.387.135	41.807.964.241	89.749.351.376
Khấu hao trong năm	3.452.227.577	11.014.420.874	14.466.648.451
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.066.858.784)	(2.066.858.784)
Số dư cuối năm	51.393.614.712	50.755.526.331	102.149.141.043
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	186.527.454.973	17.683.984.912	204.211.439.885
Số dư cuối năm	183.189.092.996	3.749.910.471	186.939.003.467

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 751 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (1/10/2022: 751 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 84.446 triệu VND (1/10/2022: 86.072 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	603.535.433.172	660.329.384.725
Tăng trong năm	209.907.898.640	370.155.829.650
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(177.541.961.915)	(387.416.067.299)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(59.129.254.111)	(35.371.741.983)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(4.953.094.165)	(4.090.028.316)
Thanh lý	(2.573.439.594)	(71.943.605)
Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác	(38.794.072.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	530.451.510.027	603.535.433.172

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	14.928.044.341	36.415.101.440
Chi phí xây dựng và nâng cấp dự án Hoa Sen Home	12.111.342.101	73.383.240.019
Chi phí xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	385.771.131.059	382.406.762.021
Chi phí giải phóng và san lấp mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	37.967.880.631	38.794.072.000
Chi phí san lấp mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	11.500.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	8.415.713.985	19.269.541.640
Các công trình khác	59.757.397.910	41.766.716.052
	<hr/>	<hr/>
	530.451.510.027	603.535.433.172

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang 2.206 triệu VND (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022: 5.249 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Chi phí thuê trả trước	65.979.132.889	66.582.136.763
Công cụ và dụng cụ	27.855.649.983	36.899.099.334
Bảng hiệu quảng cáo	14.986.892.696	7.532.677.931
Chi phí sửa chữa	7.084.411.712	6.857.793.038
Chi phí bảo hiểm	7.059.710.184	7.713.933.585
Chi phí tư vấn	1.116.293.334	815.945.168
Chi phí khác	11.303.539.695	13.429.440.130
	135.385.630.493	139.831.025.949

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	81.501.592.111	92.167.184.244
Chi phí san lấp mặt bằng	78.325.116.411	73.245.496.479
Chi phí thuê	48.282.491.935	52.877.446.322
Chi phí sửa chữa	45.688.884.054	28.347.650.038
Bảng hiệu quảng cáo	29.746.562.183	25.982.420.589
Chi phí khác	19.971.702.345	22.811.739.080
	303.516.349.039	295.431.936.752

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	295.431.936.752	263.776.212.655
Tăng trong năm	122.835.385.208	111.289.231.475
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	59.129.254.111	35.371.741.983
Phân bổ trong năm	(130.361.180.295)	(110.828.182.745)
Thanh lý và xóa sổ	(6.575.048.737)	(4.177.066.616)
Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác	(36.943.998.000)	-
	303.516.349.039	295.431.936.752

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	33.328.738.232	4.864.444.988
▪ Chi phí phải trả	28.280.991.129	90.736.147.414
▪ Các khoản dự phòng	31.706.123.314	48.526.327.816
▪ Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(483.000.383)	-
	92.832.852.292	144.126.920.218

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/9/2023	1/10/2022
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Win Faith Trading Limited	1.060.712.721.850	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	215.321.324.077	484.333.050.520
Các nhà cung cấp khác	1.609.138.146.788	555.381.594.658
	2.885.172.192.715	1.039.714.645.178

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/9/2023	1/10/2022
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	5.468.309.878	3.670.024.946
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	4.124.658.536	4.350.064.783

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2022 VND	Số đã cân trừ VND	Số phân loại lại VND	30/9/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.009.720.908	(7.511.348.460)	-	128.498.372.448
Thuế thu nhập cá nhân	63.672.135	(58.866.713)	146.537.657	151.343.079
Các loại thuế khác	949.369	(949.369)	-	-
	136.074.342.412	(7.571.164.542)	146.537.657	128.649.715.527

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số đã nộp VND	Số phân loại lại VND	30/9/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	67.012.290.644	8.355.409.913.567	(7.331.435.375.240)	(936.942.725.117)	-	154.044.103.854
Thuế xuất nhập khẩu	79.574.109	4.359.894.641	-	(4.407.493.829)	-	31.974.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.811.010.823	64.666.147.735	(7.511.348.460)	(54.101.428.379)	-	14.864.381.719
Thuế thu nhập cá nhân	2.662.455.482	34.748.149.632	-	(35.389.641.356)	146.537.657	2.167.501.415
Thuế khác	471.360	11.795.072.434	(949.369)	(11.054.134.238)	-	740.460.187
	81.565.802.418	8.470.979.178.009	(7.338.947.673.069)	(1.041.895.422.919)	146.537.657	171.848.422.096

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Chi phí chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	112.814.263.281	16.245.400.836
Chi phí tiền điện	10.392.668.077	14.202.019.186
Chi phí lương và thưởng	1.375.141.829	232.043.282.166
Chi phí vận chuyển	3.019.944.373	8.961.490.341
Xây dựng cơ bản dở dang	2.433.182.398	8.810.441.608
Chi phí lãi vay	1.916.402.761	3.811.101.871
Chi phí khác	30.577.501.678	13.098.525.831
	<hr/>	<hr/>
	162.529.104.397	297.172.261.839
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	28.135.471.782	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	10.561.616.231	16.095.878.082
Cổ tức phải trả	3.541.015.977	3.546.546.977
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.551.389.020	2.590.979.890
Phải trả khác	6.300.080.623	12.758.365.003
	<hr/>	<hr/>
	51.089.573.633	34.991.769.952
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/10/2022		Biến động trong năm		30/9/2023	
	Giá trị ghi số/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	3.635.557.150.716		21.838.094.894.006	(22.537.307.520.764)	2.936.344.523.958	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	434.936.369.262		42.274.905.619	(477.211.274.881)	-	
	4.070.493.519.978		21.880.369.799.625	(23.014.518.795.645)	2.936.344.523.958	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.625.599.905.996	67.760.505.201
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	-	1.299.533.881.430
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.100.416.059.001	1.338.014.916.558
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	-	151.710.297.416
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	-	421.607.418.953
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(iv)	VND	-	266.930.131.158
▪ Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	(v)	VND	177.770.837.441	-
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	(vi)	VND	-	90.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	(vii)	VND	32.557.721.520	-
			2.936.344.523.958	3.635.557.150.716

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất 30/9/2023	Lãi suất 1/10/2022	Tài sản đảm bảo
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	4.000 tỷ VND	2,8% - 5,2%	3,86% - 4,10%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, khoản phải thu
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.400 tỷ VND	3,20%	4,50% - 5,0%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, khoản phải thu
iii. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	-	4,30% - 5,0%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	23 triệu USD	-	4,30% - 5,20%	Hàng tồn kho
v. Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10 triệu USD	2,4% - 2,6%	-	Hàng tồn kho
vi. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND	-	5,50%	Hàng tồn kho
vii. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	VND	200 tỷ VND	3,2%	-	Tài sản cố định, hàng tồn kho và khoản phải thu

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	-	551.461.944.323
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(434.936.369.262)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	116.525.575.061

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2023	1/10/2022
				VND	VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2021 – 2024	-	477.211.274.881
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	(ii)	VND	2024	-	74.250.669.442
				-	551.461.944.323

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và đã được tất toán trong năm.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và đã được tất toán trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	206.699.825.822	75.028.510.629
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 23)	10.053.653.206	172.540.289.352
Sử dụng quỹ trong năm	(68.283.905.367)	(40.868.974.159)
Số dư cuối năm	148.469.573.661	206.699.825.822

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.418.749.409	13.917.954.327
Trích lập dự phòng trong năm	116.673.587	1.500.795.082
Số dư cuối năm	15.535.422.996	15.418.749.409

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021	4.934.818.960.000	157.292.539.068	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	251.341.330.129	(21.023.645)	251.320.306.484
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	996.722.900.000	-	-	(996.722.900.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	49.008.000.000	-	-	-	-	49.008.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(172.540.289.352)	-	(172.540.289.352)
Phân bổ vào quỹ khác	-	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(76.161.878.172)	-	-	(76.161.878.172)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000

Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2022 5.980.549.860.000 157.292.539.068 187.499.009.876 4.542.183.640.565 16.044.918.305 10.883.569.967.814

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2022	5.980.549.860.000	157.292.539.068	187.499.009.876	4.542.183.640.565	16.044.918.305	10.883.569.967.814
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.008.235.685	54.108.217	30.062.343.902
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	179.273.230.000	-	-	(179.273.230.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.053.653.206)	-	(10.053.653.206)
Phân bổ vào quỹ khác (ii)	-	-	13.823.773.157	(13.823.773.157)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(123.412.286.089)	-	-	(123.412.286.089)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2023	6.159.823.090.000	157.292.539.068	77.910.496.944	4.369.041.219.887	16.099.026.522	10.780.166.372.421

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 18 tháng 5 năm 2023, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 17.927.323 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã phát hành 99.672.290 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).

(ii) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2022, Công ty đã phân bổ 13.824 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 1 năm 2021 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã phân bổ 172.966 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích chi trả cho các khoản thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, hoạt động từ thiện và các hoạt động khác của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2023		1/10/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	615.982.309	6.159.823.090.000	598.054.986	5.980.549.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	615.982.309	6.159.823.090.000	598.054.986	5.980.549.860.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2023		30/9/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	17.927.323	179.273.230.000	99.672.290	996.722.900.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	-	4.900.800	49.008.000.000
Số dư cuối năm	615.982.309	6.159.823.090.000	598.054.986	5.980.549.860.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	198.096.110.010	198.973.265.573
Từ hai đến năm năm	608.663.842.515	703.574.405.633
Trên năm năm	596.870.950.333	686.945.120.839
	1.403.630.902.858	1.589.492.792.045

(b) Ngoại tệ

	30/9/2023		1/10/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.947.027	71.073.511.783	1.958.901	46.478.174.548

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được phê duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các công trình xây dựng của Tập đoàn:

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	129.182.279.069	70.506.807.558

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	15.758.056.666.536	23.391.212.646.138
▪ Bán hàng hóa	16.311.576.818.615	26.679.991.736.818
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	14.664.207.905	18.930.935.545
	32.084.297.693.056	50.090.135.318.501
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	408.620.166.437	354.367.561.104
▪ Hàng bán bị trả lại	15.531.050.103	22.089.020.245
▪ Giảm giá hàng bán	9.485.519.866	3.042.785.685
	433.636.736.406	379.499.367.034
Doanh thu thuần	31.650.660.956.650	49.710.635.951.467

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	13.603.191.775.437	20.323.022.949.353
▪ Hàng hóa đã bán	15.570.568.607.068	23.925.122.178.748
▪ Dịch vụ cung cấp và giá vốn khác	14.499.141.167	15.015.516.269
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(598.240.656.666)	508.784.145.341
	28.590.018.867.006	44.771.944.789.711

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Lãi tiền gửi	1.893.092.911	6.986.154.013
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.144.000.000	1.094.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.774.761.913	252.349.907.257
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.827.471.514	4.628.540.304
Doanh thu tài chính khác	835.589.630	1.747.424.994
	233.474.915.968	266.806.826.568

29. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí lãi vay	195.489.503.107	260.241.924.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.527.176.927	259.505.091.281
Chi phí tài chính khác	2.138.062.212	1.126.303.852
	314.154.742.246	520.873.319.472

30. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí xuất khẩu	740.825.612.555	1.794.587.785.556
Chi phí nhân viên	692.558.304.009	900.753.976.328
Chi phí vận chuyển nội địa	223.306.684.654	340.407.152.000
Chi phí thuê	194.639.564.812	195.838.571.571
Chi phí khấu hao và phân bổ	198.367.334.392	166.651.322.612
Chi phí quảng cáo	73.165.325.085	94.603.895.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.859.067.464	82.336.100.980
Chi phí bán hàng khác	269.142.262.572	257.463.695.249
	2.476.864.155.543	3.832.642.500.065

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí nhân viên	141.907.580.859	201.458.245.191
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.899.234.668	64.433.530.407
Chi phí thuê	35.716.348.704	28.253.170.952
Chi phí tiếp khách	13.109.662.348	13.688.805.283
Chi phí công tác	9.224.859.371	10.379.350.253
Chi phí dịch vụ chuyên môn	9.085.607.582	6.231.783.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.929.903.424	80.729.125.866
Chi phí quản lý khác	79.094.714.318	117.053.351.230
	406.967.911.274	522.227.362.422

32. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	7.295.251.088	18.002.558.611
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	9.911.113.490	9.687.889.329
Tiền bồi thường thu được	14.869.945.513	13.264.861.862
Các khoản khác	18.976.833.376	17.547.480.904
	51.053.143.467	58.502.790.706

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	25.751.153.670.467	39.321.166.757.145
Chi phí nhân công và nhân viên	977.190.273.062	1.392.802.608.806
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.130.700.951.016	1.159.936.099.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.865.750.638	3.271.112.972.379
Chi phí khác	905.250.083.597	1.168.310.371.154

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	61.497.338.319	93.010.478.757
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.168.809.416	1.111.031.256
	64.666.147.735	94.121.510.013
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	51.294.067.926	35.687.644.963
	115.960.215.661	129.809.154.976

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	146.022.559.563	381.129.461.460
Thuế theo thuế suất của Công ty	29.204.511.913	76.225.892.292
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(22.278.967.032)	(8.333.778.017)
Chi phí không được khấu trừ thuế	18.053.891.969	26.107.027.425
Ưu đãi thuế	(9.469.905.085)	(15.421.057.778)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	97.281.874.480	50.120.039.798
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.168.809.416	1.111.031.256
	115.960.215.661	129.809.154.976

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/9/2023		1/10/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	51.251.801.544	6.515.997.127	520.276.221.130	55.956.413.431
Lỗ tính thuế	995.618.836.989	158.328.265.083	77.070.259.211	13.101.944.065
	1.046.870.638.533	164.844.262.210	597.346.480.341	69.058.357.496

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm như sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2024	Đã quyết toán	51.019.362.630
2025	Đã quyết toán	2.955.947.345
2027	Chưa quyết toán	12.376.961.481
2028	Chưa quyết toán	929.266.565.533
		995.618.836.989

Trong năm, Tập đoàn có khoản lỗ tính thuế với giá trị là 8.799.822.155 VND đã hết hiệu lực.

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014 – 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 – 2019).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2016 – 2019) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2020 – 2028).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2020) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2021 – 2024).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 và ngày 30 tháng 9 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	30.008.235.685	251.341.330.129
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.200.329.427)	(10.053.653.205)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	28.807.906.258	241.287.676.924

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 Số cổ phiếu	30/9/2022 Số cổ phiếu Được điều chỉnh lại (*)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	598.054.986	493.481.896
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	17.927.323	17.927.323
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	-	99.672.290
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	2.134.869
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	615.982.309	613.216.378



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm kết thúc ngày		
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND	30/9/2022 VND
		Được điều chỉnh lại (*)	Theo báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	47	393	405

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ kế toán năm.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.439.051.260.109	4.491.502.543.753
Cho thuê tài sản	4.064.534.162	3.486.352.344
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.901.825.095	13.030.000
Chiết khấu thương mại	148.673.081.817	61.952.016.618
Mua dịch vụ vận chuyển	54.176.364.834	69.512.797.002
Thuê tài sản	10.169.650.855	11.735.093.390
Hàng bán trả lại	4.878.147.343	4.584.783.491
Lãi trả chậm	315.449.503	4.855.265
Giảm giá hàng bán	74.543.970	54.727.273
Cung cấp dịch vụ gia công	54.851.849	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	21.382.180	-
Mua tài sản cố định	18.000.000	-
Mua dịch vụ gia công	1.898.200	-
Bán tài sản cố định	-	836.100.000
Bán khác	-	149.588.019
Mua khác	-	7.004.452
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Mua dịch vụ vận chuyển	43.689.368.018	52.736.771.622
Cho thuê tài sản	216.000.000	223.500.000
Bán hàng hóa	6.127.500	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Tổ chức biểu diễn Nghệ thuật và Hòa nhạc Quốc tế Hoa Sen		
Mua dịch vụ tổ chức sự kiện	35.450.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	360.000.000	360.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	300.000.000	300.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	2.362.752.815	2.706.721.532
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	14.431.880.677	16.587.416.081

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	30.969.165.231	131.482.180.414

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

